

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/02/2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị M Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Gái.

2. Ông Võ Văn Lợi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thịnh – Cán bộ
Tòa án nhân dân Quận 2.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2018/TLST-HNGĐ, ngày 23/01/2018 về “Ly
hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST ngày 30 tháng 01
năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc M Sinh năm 1977

Nơi cư trú: Chung cư Thạnh Mỹ Lợi, Lô B6, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận
2, Thành phố Hồ Chí M.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng N Sinh năm 1986

Nơi cư trú cuối cùng: Chung cư Thạnh Mỹ Lợi, Lô B6, phường Thạnh Mỹ
Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí M; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/01/2018, Bản tự khai ngày 30/01/2018, nguyên
đơn – ông Trần Ngọc M trình bày:

Ông M và bà N chung sống với nhau năm 2010, tự nguyện đăng ký kết hôn
theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2010, quyền số 01/2009 tại Ủy ban nhân dân

phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến ngày 01/5/2012 bà N đã bỏ nhà đi không để lại lý do và cũng không liên lạc gì với gia đình. Ông M đã tự tìm kiếm, đăng thông báo tìm kiếm trên báo, trên đài phát thanh. Ngày 17/10/2014, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuyên bố bà N mất tích tại Quyết định số 16/2014/QĐDS-ST. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn và cũng không có cách nào liên lạc được bà N, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Hoàng N mất tích theo Quyết định số 16/2014/QĐDS-ST ngày 17/10/2014, đến nay vẫn không liên lạc được nên không thu thập được lời khai bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn – Ông Trần Ngọc M yêu cầu ly hôn với bị đơn – Bà Nguyễn Thị Hoàng N, do bà N cư trú cuối cùng tại Quận 2 nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà N vắng mặt nhưng đã có Quyết định tuyên bố mất tích số 16/2014/QĐDS-ST ngày 17/10/2014 nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Hoàng N chung sống với nhau từ năm 2010, tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2010, quyền số 01/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố HCM. Do đó, hôn nhân giữa ông M và bà N là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa ông M và bà N đã không còn hạnh phúc, tuy không xảy ra mâu thuẫn gay gắt nhưng cả hai đã không tìm được tiếng nói chung trong tất cả mọi vấn đề. Cụ thể, ngày 01/5/2012 bà N đã bỏ nhà đi đâu không rõ, từ đó đến nay không liên lạc được; ngày 17/10/2014 Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuyên bố bà N mất tích tại Quyết định số 16/2014/QĐDS-ST.

Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”. N vậy, ông M yêu cầu được ly hôn với bà N là có cơ sở

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ông M khai không có.

Về án phí: Ông M xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016;

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc M được ly hôn bà Nguyễn Thị Hoàng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2010, Quyền số 01/2009, do Ủy ban nhân dân phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/8/2010 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Ông M khai không có.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông M phải chịu Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AC/2014/0008845 ngày 23/01/2018, do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập. Ông M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị M Yến